

Số: 950 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 06 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử, bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô” của Công ty cổ phần Đất Việt Nam Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 248/STNMT-CCMT ngày 17/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử, bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô”;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử, bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 10/CV-CT ngày 24/4/2024 của Công ty cổ phần Đất Việt Nam Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1642/TTr-STNMT ngày 26/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử, bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Đất Việt Nam Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vụ Bản;
- UBND xã Liên Bảo;
- C.ty cổ phần Đất Việt Nam Định;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, TT, VP3.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN "XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, BAO BÌ, THIẾT BỊ Y TẾ, PLASTIC, CƠ KHÍ, SẢN XUẤT PHỤ TÙNG Ô TÔ, XE MÁY, XE ĐẠP, NỘI NGOẠI THẤT Ô TÔ"

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử, bao bì, thiết bị y tế, plastic, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô.

- Địa điểm thực hiện: Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Chủ dự án: Công ty cổ phần Đất Việt Nam Định.

- Địa chỉ liên hệ: Xóm 9, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Điện thoại: 0913.682.386.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi

- Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh điện, điện tử, thiết bị y tế, plastic, bao bì, cơ khí, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp, nội ngoại thất ô tô" được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 47.471 m² thuộc xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động của ngành nghề: Gia công các sản phẩm điện, điện tử, điện lạnh; gia công các phụ tùng ô tô, xe đạp, xe máy, xe có động cơ khác; gia công các sản phẩm y tế; gia công các sản phẩm plastic cao cấp; in ấn.

1.2.2. Quy mô

Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.2.3. Công suất

Dự án hoạt động trong lĩnh vực gia công sản xuất: Các loại chỉ nano, chỉ chống cháy và các loại dây chỉ khác; các loại dây bện chống cháy, các dây bện khác; các sản phẩm điện, điện tử; gia công cơ khí, máy móc chế tạo; gia công bìa giấy với công suất như sau:

+ Gia công sản xuất các loại chỉ nano, chỉ chống cháy và các loại dây chỉ khác khoảng 27.000.000 cuộn/năm.

+ Gia công sản xuất các loại dây bền chống cháy, các dây bền khác khoảng 150.000.000 chiếc/năm.

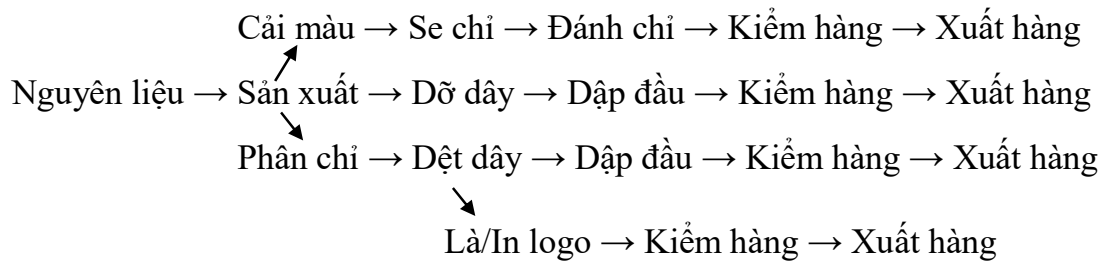
+ Gia công linh kiện điện tử (gia công sản phẩm dây cáp quang tổng hợp, dây máy tính, dây điện thoại, dây điện nguồn, dây HDMI, dây USB): 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Gia công cơ khí, máy móc chế tạo (gồm bánh răng, xi lanh, trục đầu kéo, trục vít, dây cắt cao su, kết cấu thép, chi tiết máy khác) khoảng 20.000 tấn/năm.

+ Gia công bì giấy khoảng 60.000 tấn/năm.

1.3. Quy trình sản xuất

a) Quy trình sản xuất các loại chỉ và dây



b) Quy trình gia công thiết bị điện, điện tử

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Lắp ráp đầu nối → Lắp ráp trụ nối → Lắp ráp giắc → Lắp ráp chéo các khớp nối → Hàn nối → Lắp ráp cáp → Lắp ráp PCAB → Kiểm tra → Lắp ráp nắp → Đóng gói → Xuất hàng.

c) Quy trình gia công cơ khí

Nguyên liệu → Máy cắt → Máy hàn → Máy tiện → Rửa sạch → Sản phẩm → Kiểm tra → Xuất hàng.

d) Quy trình gia công bì giấy

Bì giấy → Thiết kế → In → Hoàn thiện sản phẩm → Kiểm tra → Xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

STT	Hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Xưởng sản xuất số 1 (xưởng gia công cơ khí, máy móc chế tạo)	02	1.771	3.542
1.1	Tầng 1 (khu vực sản xuất)			1.771
1.2	Tầng 2 (khu vực chứa nguyên liệu và thành phẩm)			1.771
2	Xưởng sản xuất số 2 (Gia công sản xuất các loại chỉ và dây bền)	02	2.835	3.024
2.1	Tầng 1 (khu vực sản xuất)			2.835

2.2	Tầng 2 (văn phòng xưởng)			189
3	Xưởng sản xuất số 3 (Gia công sản xuất các loại chỉ và dây bện)	02	2.835	3.024
3.1	Tầng 1 (khu vực sản sản xuất)			2.835
3.2	Tầng 2 (văn phòng xưởng)			189
4	Xưởng sản xuất số 4 (xưởng gia công bìa giấy)	02	2.340	4.680
4.1	Tầng 1 (khu vực sản sản xuất)			2.340
4.2	Tầng 2 (khu vực chứa nguyên liệu và thành phẩm)			2.340
5	Xưởng sản xuất số 5 (xưởng Gia công các linh kiện điện tử)	02	4.200	8.400
5.1	Tầng 1 (khu vực sản xuất)			4.200
5.2	Tầng 2 (khu vực sản xuất)			4.200

(Chi tiết diện tích các hạng mục công trình khác được nêu trong báo cáo ĐTM)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ Điểm đ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án trên có yếu tố nhạy cảm do có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 41.287,7 m² thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa nước 02 vụ) và nạo vét kênh mương (đất kênh mương thủy lợi): Phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn.

- San lấp mặt bằng: Phát sinh bụi, khí thải.

- Thi công hạ tầng kỹ thuật các công trình của dự án: Phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công: Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của cán bộ, công nhân viên: Phát sinh nước thải, chất thải rắn.

- Hoạt động của các phương tiện ra vào dự án: Phát sinh bụi, khí thải.

- Hoạt động sản xuất: Phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Khu vực bể xử lý nước thải, khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh mùi, khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Đối với nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án giai đoạn thi công khoảng 90.670 m³/năm. Thành phần gồm: Đất, cát, vật liệu rơi vãi, chất cặn bã, dầu mỡ,...

- Nước thải từ hoạt động xây dựng phát sinh khoảng 02 m³/ngày từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công,... Thành phần gồm: Đất, cát xây dựng, dầu mỡ.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 01 m³/ngày.đêm. Thành phần gồm: BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, tổng Coliform.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 70.393 m³/năm. Thành phần gồm: Tổng nitơ, phospho, COD, tổng chất rắn lơ lửng, TSS.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 50 m³/ngày.đêm. Thành phần gồm: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, sunfua, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: Chỉ phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh bể hấp thụ khí thải lò hơi với khối lượng khoảng 03 m³/ngày.

3.1.2. Đối với bụi và khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi: Phát sinh trong các công đoạn như bóc tách tầng đất mặt, nạo vét kênh mương, san lấp mặt bằng, hoạt động bóc dỡ, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: Bụi đất, bụi đá, bụi cát,...

- Khí thải

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: Khí SO₂, CO_x, NO_x, Hydrocacbon,...

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH₄, NH₃, H₂S,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động giao thông: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu ra vào nhà máy, phương tiện giao thông của cán bộ, công nhân viên và khách hàng. Thành phần gồm: CO, SO₂, NO_x, VOC, bụi.

- Hoạt động sản xuất

+ Đối với xưởng gia công sản xuất chỉ và dây: Phát sinh bụi tại công đoạn dệt dây, se chỉ.

+ Đối với xưởng gia công cơ khí: Phát sinh bụi kim loại, mạt sắt, hơi oxit kim loại như mangan oxit, sắt Oxit, nito oxit từ hoạt động hàn, cắt kim loại.

+ Đối với xưởng gia công bìa giấy: Phát sinh hơi mùi mực in bìa giấy và hơi mùi keo từ quá trình dán bìa giấy.

+ Đối với hoạt động của lò hơi 03 tấn hơi/h: Phát sinh bụi, khí thải. Thành phần gồm các khí SO₂, NO_x, CO₂, các hợp chất hữu cơ, tro bụi,...

- Hơi mùi phát sinh từ khu vực nấu ăn.

- Hơi mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt. Thành phần gồm: ác khí H₂S, CO₂, CH₄,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Đối với chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 08 kg/ngày. Thành phần gồm: Giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 57 tấn. Thành phần gồm: Đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cốppha, dây thừng, thùng chứa,...

- Bùn từ hoạt động nạo vét kênh mương phát sinh khoảng 1.770 tấn.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 400 kg/ngày. Thành phần gồm: Giấy vụn, túi nilong, vỏ hộp, rác hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Xưởng sản xuất các loại dây và chỉ (Đầu dây, đầu chỉ thừa, các sản phẩm lỗi hỏng) phát sinh khoảng 63 tấn/năm.

+ Xưởng gia công thiết bị linh kiện, điện tử (Sản phẩm hỏng, đầu mẫu thừa,...) phát sinh khoảng 0,2 tấn/năm.

+ Xưởng gia công cơ khí chủ yếu là bavia thừa, đầu mẫu kim loại thừa, sản phẩm lỗi hỏng phát sinh khoảng 204 tấn/năm.

+ Xưởng gia công bìa giấy chủ yếu là đầu mẫu giấy thừa thừa, sản phẩm lỗi hỏng phát sinh khoảng 602 tấn/năm.

- + Bao bì, túi nylon, vỏ thùng carton,... phát sinh khoảng 0,5 tấn/năm.
- + Xi than phát sinh khoảng 57,6 tấn/năm.
- + Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 1,56 kg/ngày.

3.2.2. Đối với chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công với khối lượng khoảng 350 kg cho cả quá trình xây dựng. Thành phần bao gồm: Dầu thải, sơn thải, cặn sơn thải, bao bì chứa sơn (vỏ thùng sơn), chổi lăn sơn, que hàn thải có kim loại nặng,...

b) Giai đoạn vận hành

CTNH phát sinh khoảng 4.365 kg/năm. Thành phần gồm: Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; dầu thải (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc); bóng đèn huỳnh quang thải; đầu mẫu que hàn; hộp chứa mực in; mực in thải; bao bì nhựa cứng thải; bao bì kim loại cứng thải; bao bì mềm thải (chứa thành phần nguy hại); linh kiện điện tử thải bỏ; nước thải từ quá trình vệ sinh bể hấp phụ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

3.3. Đất bóc tách tầng đất mặt

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa nước 02 vụ là 11.561 tấn.

3.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung chủ yếu do hoạt động của các máy móc thi công xây dựng, hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận tải.

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh ở giai đoạn này chủ yếu là hoạt động của máy móc thiết bị như: Máy cắt, máy dệt dây, máy đập, máy đánh chỉ,...

- Nhiệt độ chủ yếu phát sinh từ máy ép nhiệt, máy là.

3.5. Tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, thiên tai.

b) Giai đoạn vận hành

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Chập điện, cháy nổ, tai nạn giao thông, ngộ độc thực phẩm, an toàn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án lắp đặt 02 nhà vệ di động gần khu vực lán trại với dung tích bể chứa chất thải 02 m³/bể. Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn và xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng: Đơn vị thi công khai thông tuyến thoát nước tự nhiên ra mương và đào rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình để thoát nước. Nước sau thu gom sẽ chảy qua các hố ga lắng cặn, hố ga có kích thước (0,5 x 0,5 x 0,5)m. Thường xuyên nạo vét cặn lắng trong hố ga, nước được tận dụng tái sử dụng để dập bụi trên công trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ dự án sẽ che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn; bố trí hố ga lắng cặn và rãnh tiêu thoát nước kịp thời trước khi thoát ra kênh tiêu Tiên Hương phía Bắc tại 02 cửa xả, tránh hiện tượng ngập úng cục bộ. Cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc.

b) Giai đoạn vận hành

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra kênh tiêu Tiên Hương phía Bắc dự án.

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải tại nhà ăn số 1 + 2: Xây dựng tại mỗi nhà ăn 01 bể tách dầu mỡ thể tích 03 m³ ngầm phía bên dưới khu vực nấu ăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình vệ sinh bề hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi phát sinh khoảng 03 m³/ngày.đêm (thay định kỳ 3 - 6 tháng/lần) được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hút nước lẫn bùn cặn tại bể vận chuyển và đem đi xử lý như CTNH.

- Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể aerotank → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hố ga (Nước thải đạt QCVN 40:2011/ BTNMT - cột B) → Kênh tiêu Tiên Hương phía Bắc dự án.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường)

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động của các máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; thường xuyên được kiểm định, bảo dưỡng định kỳ.

+ Yêu cầu các phương tiện vận chuyển phải chở đúng tải trọng cho phép, đi đúng tuyến đường, thời gian quy định và có bạt che chắn, hạn chế chất thải rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển. Nếu xảy ra hiện tượng rơi vãi chất thải, nguyên vật liệu trên tuyến đường vận chuyển phải kịp thời thu dọn, xử lý. Quy định tốc độ xe, đặt biển báo hạn chế tốc độ với phương tiện giao thông ra vào công trường và khu vực lân cận.

+ Có kế hoạch sử dụng thiết bị hợp lý tránh sử dụng đồng thời nhiều thiết bị. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng theo quy định.

+ Không làm việc vào những giờ nghỉ từ 22h ngày hôm trước đến 06h sáng ngày hôm sau và từ 11h30 đến 13h30. Hạn chế vận chuyển chất thải qua khu vực có các trụ sở cơ quan, trường học,... vào giờ cao điểm từ 06h - 07h và 17h - 18h hàng ngày.

+ Hạn chế hoạt động cùng một lúc các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn, nhằm tránh sự cộng hưởng làm gia tăng độ ồn.

- Biện pháp giảm bụi, khí thải từ công đoạn hàn: Trang bị khẩu trang, găng tay, kính hàn bảo vệ mắt cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình xây dựng

+ Thực hiện nguyên tắc thi công theo hình thức cuốn chiếu xây dựng xong tiến hành thu dọn hiện trường kịp thời.

+ Thường xuyên tưới nước, phun ẩm tại khu vực có phát sinh bụi, khí thải.

+ Sử dụng tôn hoặc bạt che xung quanh dự án để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với hoạt động giao thông: Quy định vận tốc, trọng tải xe chở nguyên liệu, sản phẩm, không chở quá đầy, có vật liệu che chắn thùng xe để tránh rơi vãi, phát tán ra môi trường xung quanh và trên dọc tuyến đường vận chuyển.

- Khu vực xưởng sản xuất

+ Thiết kế hệ thống thông gió khu vực nhà xưởng theo phương pháp thông gió cưỡng bức kết hợp thông gió tự nhiên bằng cách bố trí hợp lý các hệ thống quạt hút gió trên tường dọc theo chiều dài xưởng.

+ Thông thoáng nhà xưởng tự nhiên là phương pháp lợi dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất và gió giữa bên ngoài và bên trong nhà xưởng.

- Hệ thống xử lý thu gom bụi tại khu vực máy dẹt: Chủ dự án đầu tư 20 hệ thống thu gom bụi bông phát sinh cục bộ tại hệ thống máy dẹt, máy thu bụi di động chạy dọc theo các máy dẹt với quy trình thu gom như sau: Bụi → Chụp hút → Đường ống → Máy hút bụi kết hợp màng lọc → Bụi bông → Bao chứa.

- Biện pháp giảm thiểu khí thải tại máy in của xưởng gia công bì giấy: Chủ dự án sử dụng mực in thân thiện với môi trường nên lượng khí thải phát sinh từ quá trình này không đáng kể; trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, mũ cho các công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu từ quá trình hoạt động của máy cắt kim loại

+ Quy hoạch bố trí sắp xếp hệ thống máy móc, thiết bị phù hợp trong dây chuyền sản xuất. Bố trí các máy móc thiết bị theo tính năng để có giải pháp thu gom bụi cục bộ cho từng khu vực.

+ Bụi từ quá trình cắt kim loại thường có kích thước lớn, rơi xuống nền nhà xưởng sau mỗi ca làm việc công nhân quét dọn vệ sinh cho vào bao chứa và vận chuyển về kho chứa chất thải công nghiệp để thuê xử lý theo quy định.

- Xử lý bụi, khí thải lò hơi: Chủ dự án đầu tư 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải lò hơi với quy trình công nghệ xử lý như sau: Bụi, khí thải → Đường ống thu gom bụi → Quạt hút → Thiết bị Cyclon → Tháp hấp thụ (nước vôi trong) → Môi trường qua ống khói cao 15 m tính từ mặt đất.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi được nêu trong báo cáo ĐTM của dự án)

- Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải từ khu vực xử lý nước thải

+ Các bể của hệ thống xử lý nước thải được xây dựng nắp đậy để tránh phát tán mùi.

+ Nạo vét định kỳ các cống thoát nước để đảm bảo nước thải không tù đọng trong các cống thoát nước.

- Xử lý mùi, khí thải từ khu vực nhà bếp

+ Quá trình nấu ăn sử dụng gas và điện do đó khả năng phát sinh khí thải cũng như khói thải không nhiều. Để khống chế lượng khói này chủ dự án áp dụng các biện pháp sau: Hạn chế tối đa để dầu mỡ cháy khét; không sử dụng dầu ăn nấu lại nhiều lần.

+ Khu nhà bếp được thiết kế thông thoáng với hệ thống quạt thông gió, không gian rộng để giảm thiểu mùi và nhiệt độ khu vực nhà ăn.

+ Chủ dự án đầu tư 01 máy hút mùi khu vực bếp nấu với quy trình hoạt động như sau: Hơi mùi, khí thải → Quạt hút → Lưới chắn → Than hoạt tính → Ống thu gom → Môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trên công trường được thu gom hàng ngày vào 02 thùng chứa loại 50 - 100 lít. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng

+ Lượng gạch vỡ, vữa tường, bê tông, đất, cát,... phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục công trình được đơn vị thi công tận dụng để san lấp mặt bằng. Trong trường hợp không sử dụng hết, thuê đơn vị có năng lực đến thu gom và đem đi xử lý theo quy định.

+ Các loại sắt thép vụn, bao bì, gỗ,... thu gom tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

+ Các loại chất thải khác không thể tái chế, tái sử dụng sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn nạo vét kênh mương được tái sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ Ngoài ra, để giảm thiểu tác động do chất thải này, đơn vị thi công áp dụng biện pháp thi công theo hình thức cuốn chiếu, thi công đến đâu xong đến đấy, tránh làm ảnh hưởng đến khu vực lân cận.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với rác thải sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được chủ dự án phân loại tại nguồn thành 3 loại: Chất thải thực phẩm (thực phẩm thừa, rau, quả, củ,...); chất thải có thể tái chế, tái sử dụng và chất thải rắn sinh hoạt khác.

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Chủ dự án thu gom vào 10 thùng chứa có thể tích 60 - 120 lít, được bố trí tại khu vực nhà ăn và khu vực nhà sản xuất, sau đó thu gom về kho chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 40 m² và được bán cho cơ sở tái chế.

+ Chất thải từ thực phẩm sẽ được thu gom vào 10 thùng chứa có nắp đậy thể tích 60 - 120 lít tại khu vực bếp ăn được cho người dân để chăn nuôi.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom tập trung vào 10 thùng chứa có nắp đậy với thể tích 60 - 120 lít, các thùng rác được bố trí tại khu vực bếp và nhà ăn, khu vực sản xuất, sau đó thu gom về kho chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 40 m².

+ Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom rác thải của xã Liên Bảo để thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

- Đối với rác thải công nghiệp

+ Đối với chất thải không thể tái chế, tái sản xuất như đầu mẫu sắt, thép vụn, sản phẩm lỗi không thể sửa chữa; phần đầu thừa của các sản phẩm không thể tái sử dụng phát sinh từ xưởng gia công thiết bị điện tử; mẫu giấy thừa, chỉ vụn, chỉ lỗi hỏng,... sẽ được thu gom và tập trung về kho chứa chất thải thông thường diện tích 150 m². Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý rác theo đúng quy định.

+ Đối với loại chất thải có thể tái chế phát sinh từ xưởng sản xuất được thu gom và tập trung tái sử dụng cho sản xuất ngay trong mỗi nhà xưởng.

+ Đối với xỉ than được thu gom về lán chứa diện tích 15 m², tiếp giáp với khu vực lò hơi. Lán chứa được lợp mái tôn, nền đổ bê tông và láng vữa cách thổ 30 cm. Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung: Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút tại bể chứa bùn đem đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với vật liệu lọc thải từ hệ thống xử lý nước thải: Khi thay thế vật liệu lọc, chủ dự án thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chủ dự án bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 05 m² có mái che bố trí gần khu vực kho chứa sắt thép, xi măng trong khu vực dự án; trong kho bố trí 04 thùng chứa thể tích 100 lít/thùng để lưu chứa đầu mẫu que hàn, chôi lăn sơn thải, giẻ lau dính dầu mỡ; đối với vỏ thùng sơn số lượng nhiều, kích thước lớn được thu gom đặt tại khu vực riêng trong kho.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí kho lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 50 m². Kho chứa CTNH có mái che, có nền bê tông, phía ngoài kho có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định, có cửa khóa.

- Bố trí 09 thùng chứa có thể tích 60 - 120 lít/thùng, có dán mã CTNH riêng biệt để đựng CTNH.

- Đối với nước thải có chứa thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình vệ sinh bề hấp thụ của 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải các buồng phun sơn, định kỳ 03 tháng Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có năng lực đến vệ sinh và hút toàn bộ khối lượng nước thải vận chuyển đi xử lý.

- Đối với nước thải từ quá trình vệ sinh bề hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi phát sinh khoảng 03 m³/ngày.đêm (thay định kỳ 3 - 6 tháng/lần), chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hút nước lẫn bùn cặn tại bể vận chuyển và đem đi xử lý như CTNH.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.

4.3. Đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa nước 02 vụ

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa nước 02 vụ) được Chủ dự án sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng các phương tiện, máy móc thi công đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật môi trường và định kỳ thực hiện bảo dưỡng đảm bảo tình trạng hoạt động tốt.

- Hạn chế hoạt động cùng một lúc các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn, nhằm tránh sự cộng hưởng làm gia tăng độ ồn.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân lao động trên công trường.

- Bố trí khoảng cách, thời gian vận hành giữa các thiết bị tránh sự cộng hưởng làm tăng độ rung của các loại máy móc.

- Tùy theo từng loại máy móc, thiết bị thi công, Nhà thầu sẽ sử dụng các biện pháp giảm thiểu độ rung như: Kê cân bằng máy, sử dụng hộp dầu giảm chấn, đệm đàn hồi kim loại,...

b) Giai đoạn vận hành dự án

- Biện pháp giảm thiểu nhiệt độ:

+ Thiết kế nhà xưởng cao và có diện tích cửa sổ lớn để tận dụng thông gió tự nhiên.

+ Trang bị hệ thống quạt hút, quạt thông gió tại các nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng thông gió, làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.

+ Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân.

+ Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Bố trí dây truyền máy móc thiết bị hợp lý tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn khi hoạt động.

+ Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

+ Tất cả máy móc thiết bị sản xuất có khả năng tạo rung động lớn đều đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

+ Công nhân lao động trực tiếp tại khu vực phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chống ồn.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Cân bằng máy, lắp thêm thiết bị giảm rung bằng ống thủy lực, long đen vênh.

+ Tổ chức huấn luyện, đào tạo cho công nhân kỹ thuật sử dụng các thiết bị cầm tay gây rung như cầm chắc chắn dụng cụ có động cơ để giảm rung, nâng cao hiểu biết về tác hại của rung động và biện pháp phòng ngừa.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị, dụng cụ và phương tiện làm việc, khắc phục kịp thời hư hỏng gây rung động và va chạm.

4.5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội của địa phương

+ Thực hiện kê khai tạm trú, tạm vắng cho công nhân từ các địa phương khác đến và quản lý các hoạt động của công nhân tại địa phương.

+ Ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động ngay tại địa phương.

+ Phát hiện và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, xung đột phát sinh giữa các công nhân xây dựng, giữa công nhân với người dân địa phương.

+ Đề ra hình thức xử phạt nghiêm đối với những trường hợp vi phạm nội quy, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; mắc các tệ nạn xã hội.

- Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng và tình hình giao thông khu vực

+ Quy định thời gian, tốc độ và tải trọng xe vận chuyển thiết bị, dụng cụ, vật liệu xây dựng và chất thải lưu thông trên tuyến đường; nhanh chóng khắc phục, sửa chữa đường giao thông khi xảy ra sự cố.

+ Quá trình thi công xây dựng, gia cố nền móng công trình tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng.

+ Nghiêm cấm đổ vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, rác thải sinh hoạt bừa bãi không đúng nơi quy định.

- Đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ dân xung quanh dự án

+ Đối với khu vực đất trồng lúa phía Tây dự án, chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng và đất canh tác của dân, sau khi thi công xong sẽ được phục hồi ngay để phục vụ sản xuất.

+ Trường hợp quá trình thi công xây dựng dự án gây bồi lấp ruộng ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng khu vực đất trồng lúa của người dân, Chủ dự án và đơn vị thi công cam kết khắc phục trả lại hiện trạng và thực hiện bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng theo thỏa thuận giữa 2 bên.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến kênh tiêu Tiên Hương phía Bắc dự án, kênh B5b phía Tây dự án

+ Phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng cho phép, đi đúng tuyến đường và không tập kết nguyên vật liệu xây dựng gần kênh mương.

+ Không đổ chất thải phát sinh từ quá trình xây dựng ra cánh đồng hoặc đổ xuống sông, kênh, mương xung quanh khu vực dự án gây ô nhiễm nguồn nước.

+ Thường xuyên nạo vét bùn cặn trong hệ thống đường cống thoát nước, không để bùn cặn chảy xuống gây bồi lấp kênh.

- Về vấn đề dịch bệnh: Tổ chức quản lý chặt chẽ đối với công nhân lao động trên công trường trong và ngoài giờ làm việc tại khu lán trại cũng như nơi ở trọ chống phát sinh tệ nạn xã hội. Chăm lo điều kiện ăn ở cho công nhân phòng ngừa phát sinh bệnh dịch.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm

+ Chủ dự án phân công cán bộ thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Chủ dự án dừng các công đoạn phát sinh ra nước thải để tiến hành cải tạo và sửa chữa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống vận hành trở lại.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

- Kiểm tra máy móc định kỳ đúng thời gian quy định. Khi xảy ra sự cố tiến hành sửa chữa kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, Chủ dự án sẽ tạm ngừng hoạt động để sửa chữa. Sau khi sự cố được khắc phục, bụi, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

+ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

+ Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy quy định đặt tại các vị trí dễ cháy nổ để thuận tiện sử dụng khi xảy ra sự cố.

+ Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm

+ Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

+ Nhà bếp được thiết kế theo nguyên tắc 01 chiều.

+ Nguyên liệu phải được mua từ các cơ sở có uy tín, đảm bảo chất lượng; thực hiện lưu mẫu thực phẩm theo quy định.

+ Định kỳ hàng năm sẽ đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên nhà bếp về an toàn thực phẩm.

+ Cán bộ, công nhân viên làm trong nhà bếp được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm.

4.6. Danh mục công trình bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục bảo vệ môi trường	Khối lượng
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	01 hệ thống
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	01 hệ thống
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m ³ /ngày.đêm	160 m ²
4	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi	01 hệ thống
5	Hệ thống thu gom bụi bông	20 m ²
6	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	40 m ²
7	Kho chứa chất thải công nghiệp	150 m ²
8	Kho chứa chất thải nguy hại	50 m ²
9	Thùng chứa chất thải nguy hại từ 60 -120 lít/thùng	09 thùng
10	Thùng chứa chất thải sinh hoạt thể tích từ 60 - 120 lít/thùng	30 thùng
11	Trồng cây xanh (tỷ lệ 21,15%)	10.039,9 m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Chủ dự án bố trí 01 cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường của dự án.

- Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Vụ Bản, Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các giải pháp đảm bảo vấn đề an toàn, vệ sinh môi trường của nhà máy.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Vị trí quan trắc, giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư (phía Bắc và phía Nam dự án) trong thời gian quan trắc.

- Thông số quan trắc, giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất quan trắc, giám sát: 06 tháng/lần trong thời gian xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a) Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi chảy ra kênh tiêu Tiên Hương phía Bắc dự án.

- Thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra (m³/ngày), pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ, Clo dư, Amoni, Sunfua, tổng photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất quan trắc, giám sát: 06 tháng/lần (02 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,1; đối với các thông số pH, Coliform thì C_{max} = C).

b) Giám sát bụi, khí thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần (02 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số K_p = 1; K_v = 1,2).

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

c) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải rắn, CTNH.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại và hóa đơn chứng từ giao nhận chất thải, thành phần chất thải rắn, CTNH; biện pháp phân loại, thu gom chất thải rắn, CTNH,...

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu khác

- Hoạt động đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan, thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình của dự án phải bảo đảm tuân thủ quy định về xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc giám sát môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và xây dựng các hạng mục, công trình của dự án.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành dự án theo quy định của pháp luật.

- Vận hành thường xuyên, duy trì bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải tập trung theo đúng quy trình, công nghệ xử lý đảm bảo chất thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì và vận hành hiệu quả. Cam kết đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) khi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh có văn bản yêu cầu.

- Thực hiện bảo vệ, quản lý và sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và theo các quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và đền bù thiệt hại đối với môi trường, xã hội nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.